

Bản án số: 76/2018/HSST
Ngày 26- 12-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin

Bà Đinh Thị Thu Huyền

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 81/2018/TLST- HS ngày 03 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2018/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Thị D1, sinh năm 1968; tại thôn D, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Nh, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Hữu B và bà: Vũ Thị D; Chồng: Nguyễn Văn N, có 02 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1990; **Tiền án, tiền sự, nhân thân:** không

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 17/10/2018 đến 20/10/2018 hiện tại ngoại (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn D2, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cư trú tại: thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cư trú tại: thôn Nh, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Người làm chứng: Anh Trần Văn H, sinh năm 1983(vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn T, xã Y1, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại quán cà phê “ *Nhớ*” thuộc địa phận thôn Đ, xã C, huyện Y, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y bắt quả tang

Hoàng Thị D1, sinh năm 1968, ở thôn Nh, xã C, huyện Y có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề cho đối tượng tự khai là Nguyễn Văn D2, sinh năm 1976 ở thôn Đ, xã T, huyện Y.

Tang vật thu giữ gồm: 01 tờ giấy khổ A4, một mặt có chữ in phô tô bằng mực màu đen, một mặt có các chữ số bằng mực màu đen, 01 bút bi màu trắng đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số Imel 355956/04/839899/8 và số tiền 5.700.000đ của Hoàng Thị D1. Thu của Nguyễn Văn D2 ½ tờ lịch một mặt có in chữ số 15 bằng mực màu xanh, một mặt có các chữ viết, chữ số bằng mực màu đen và 01 mảnh giấy nhỏ một mặt in các chữ số màu xanh đen, một mặt ghi các chữ số bằng mực màu xanh.

Cùng ngày, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Thị D1, Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ: Thu tại ngăn tủ cửa gỗ 3 ngăn kê ở góc phòng ngủ số tiền 5.500.000đ và thu 01 quyển sổ ghi kết quả xổ số hàng ngày tại vị trí bàn uống nước ở góc nhà bên phải theo hướng đi từ ngoài vào, thu tại mặt bàn uống nước kê ở góc nhà bên phải theo hướng vào 01 tờ giấy A4, một mặt ghi thơ đề, một mặt ghi chữ và số bằng mực màu xanh ký tên Nguyễn Văn N.

Đấu tranh ghi lời khai nhanh, D1 khai nhận: Hàng ngày, đứng ra ghi lô, đề cho khách tại trước quán cà phê “Nhớ” thuộc thôn Đ, xã C và thu tiền của người chơi. Sau khi có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc hàng ngày. D1 sẽ tính toán số những cặp số trúng thưởng và trực tiếp trả thưởng cho khách vào ngày hôm sau tại chỗ ghi đề.

Đối với khổ giấy A4 thu được trong quá trình khám xét khẩn cấp tại nhà ở của Hoàng Thị D1, được xác định là cấp đề ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963 ở thôn Nh, xã C là chồng của Hoàng Thị D1 ghi cho khách đến chơi.

Ngày 18/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y ra Quyết định trưng cầu giám định gửi đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang để giám định chữ viết, chữ số trên các cấp đề thu giữ của D1 khi bắt quả tang và cấp đề của ông Nguyễn Văn N thu khi khám xét khẩn cấp.

Tại bản kết luận giám định số 1399/KL-KTHS ngày 19/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

“ 1. Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết, chữ số của Nguyễn Văn N trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M10 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết, chữ số trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết, chữ số của Hoàng Thị D1 trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M11 đến M19 là do cùng một người viết ra”.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Thị D1 khai nhận:

Lợi dụng việc Nhà nước quay mở thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc và thông báo kết quả mở thưởng hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng, Hoàng Thị D1 nảy sinh ý định đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề trái phép cho khách tại quán cà phê “Nhớ” thuộc thôn Đ, xã C, huyện Y được khoảng 01 tuần trước ngày bắt quả tang.

Hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, đề của D1 là cá cược hai số cuối của các giải xổ số kiến thiết Miền Bắc với tỷ lệ được thua cao, sát phạt nhau và thu lợi bất chính. Hàng ngày, trước giờ mở thưởng kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, D1 trực tiếp ghi số lô, số đề và thu tiền của người chơi. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc của ngày hôm đó, D1 tính toán các cặp số trúng thưởng và trực tiếp trả thưởng cho khách. Khi ghi lô, đề cho khách, D1 quy định:

Đánh đề là đánh hai số cuối của giải đặc biệt hoặc giải nhất, nếu người chơi đặt cược 1000đ, trúng cược sẽ được trả gấp 80 lần số tiền đặt cược, nếu thua cược thì mất số tiền đó.

Đánh lô là người chơi chọn 02 cặp số cuối của tất cả các giải kết quả xổ số được tính bằng điểm, mỗi điểm người chơi phải trả 23.000đ/1 điểm để đặt cược. Nếu trúng cược sẽ được trả 80.000đ/1 điểm/1 nháy, nếu trúng thưởng ở hai giải hoặc ba giải thì tỷ lệ hưởng lợi sẽ được nhân 02 lần hoặc 03 lần, nếu thua cược thì mất số tiền cược đó.

Đối với lô xiên là người chơi đặt cược từng cặp số gồm cặp 02 số, cặp 03 số, cặp 04 số của tất cả các giải xổ số (gọi là chơi lô xiên: xiên 2, xiên 3, xiên 4) tính bằng điểm, mỗi điểm người chơi phải trả 10.000đ/1 điểm, nếu trúng cặp 02 số (xiên 2) thì người chơi được trả gấp 10 lần số tiền đặt cược; Nếu trúng cặp 3 số (xiên 3) thì người chơi được trả gấp 40 lần số tiền đặt cược; Nếu trúng cặp 4 số (xiên 4) thì người chơi được trả gấp 100 lần số tiền đặt cược.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 17/10/2018, có Nguyễn Văn D2 mang 02 mảnh giấy trên đó có các cặp số đến chỗ D1 ghi đề, rồi đặt vấn đề mua số lô đề của D1 và đọc những cặp số D2 dự định đánh cho D1 ghi vào cặp đề. D1 nhận tiền của D2 và đang ghi các số lô đề D2 mua vào cặp đề của mình thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y bắt quả tang và thu giữ tang vật.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được tất cả số cặp đề của những ngày trước đó, do D1 khai sau khi có kết quả trúng thưởng hàng ngày, trả thưởng cho khách xong, D1 hủy đi, Cơ quan điều tra chỉ thu giữ được cặp đề ngày 17/10/2018 khi bắt quả tang. Căn cứ các số lô, số đề trên cặp đề cơ quan điều tra thu giữ thì lượng tiền đánh bạc của D1 được xác định là 9.305.000đ.

Cáo trạng số 79/CT- VKSYD ngày 29 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố Hoàng Thị D1 về tội “ *Đánh bạc* ” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Hoàng Thị D1 phạm tội “ *Đánh bạc*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Thị D1 từ 08 tháng đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã C, huyện Y giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, phạt bổ sung 10.000.000đ

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 9.305.000đ tiền đánh bạc (trong đó có 5.700.000đ thu giữ khi bắt quả tang và 3.605.000đ thu khi khám xét khẩn cấp tại

nhà D1)

- Tịch thu tiêu hủy 01 quyển sổ ghi kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, 01 bút bi màu đen trắng;

- Trả lại bị cáo số tiền 1.895.000đ và 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280 nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

[2] Tại phiên tòa bị cáo xác định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội, không bị oan. Bị cáo nhất trí nội dung bản cáo trạng và Kết luận giám định. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại quán cà phê “*Nhớ*” thuộc thôn Đ, xã C, huyện Y, Hoàng Thị D1, sinh năm 1968, ở thôn Nh, xã C, huyện Y có hành vi ghi số lô, số đề trái phép cho khách trả thưởng cao để thu lợi bất chính thì bị bắt quả tang. Số tiền đánh bạc của D1 ngày 17/10/2018 được xác định là 9.305.000đ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp tài sản.... Hiện nay, tệ nạn cờ bạc xảy ra rất nhiều. Hội đồng xét xử thấy cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, áp dụng thêm Khoản 3 Điều 321 BLHS đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] **Tình tiết giảm nhẹ:** Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Áp dụng điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4] **Tình tiết tăng nặng:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Khi cân nhắc hình phạt Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng. Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho cải tạo

tại địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

[6] Đối với các đối tượng tham gia đánh bạc (mua lô, đề) với Hoàng Thị D1, D1 khai khi bị bắt quả tang mới biết nam thanh niên đến mua số lô, đề tự khai tên là Nguyễn Văn D2, sinh năm 1976, ở thôn Đ, xã T, huyện Y, còn lại là khách vắng lai, D1 không biết tên, tuổi, địa chỉ của họ. Đối với đối tượng D2, sau khi bắt quả tang, lấy lời khai xong, lợi dụng sơ hở, D2 bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y xác minh tại địa phương nơi D2 khai, không có đối tượng nào có tên và địa chỉ như D2 khai nên không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[7] Đối với Nguyễn Văn N, có hành vi ghi số lô, số đề cho khách tại nhà, sau đó N nộp lại cap đề cho Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972, ở cùng thôn để hưởng lợi. Tuy nhiên, quá trình điều tra, Nguyễn Thị Th không thừa nhận việc nhận cap đề từ N. Cơ quan điều tra cho N và Th đối chất, nhưng Th không thừa nhận. Ngoài lời khai của N, không có chứng cứ khác, Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[8] Hoàng Thị D1 và Nguyễn Văn N là vợ chồng sống chung nhưng cả hai không biết, không bàn bạc gì với nhau về việc mình ghi lô, đề. Do vậy, xác định hành vi của D1 và N được thực hiện độc lập, không liên quan đến nhau.

[9] Đối với cap đề thu giữ khi khám xét khẩn cấp, được xác định là cap đề ngày 17/10/2018 của Nguyễn Văn N bán cho khách đề thu số tiền 1.320.000đ. Do số tiền trên chưa đủ định lượng để xử lý về hình sự, ngày 14/11/2018, Công an huyện Y xử lý vi phạm hành chính về hành vi của Nguyễn Văn N là có căn cứ.

[10] Vật chứng: - 01 quyển sổ ghi kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, 01 bút bi, là công cụ phương tiện phạm tội áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy; 5.700.000đ khi bắt quả tang, 3.605.000đ khi khám xét (thu khi khám xét 5.500.000đ trong đó 3.605.000đ là tiền ghi đề ngày 17/10/2018 và 1.895.000đ là tiền mua cay) là tiền thu của khách đến mua số lô, số đề áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung công quỹ nhà nước; 01 điện thoại Nokia 1280 và 1.895.000đ là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại bị cáo, nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

I. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị D1 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321, Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 331; 332, 333; 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt:

Hoàng Thị D1 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án và 10.000.000đ tiền phạt để sung công quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Hoàng Thị D1 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

II. Về vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy: 01 quyển sổ ghi kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, 01 bút bi màu đen trắng; Tịch thu sung công quỹ nhà nước 9.305.000đ.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 số Imei 355956/04/839899/8 và 1.895.000đ nhưng được tạm giữ lại để đảm bảo việc thi hành án.

III. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

IV. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phạt, tiền sung công quỹ nhà nước, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh; VKSND;
- T.H.A.(3b);
- Lưu HS.VP;
- Công an Y;
- Bị cáo, UBND xã C.

Bùi Thị Hương

